

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết  
“Nhà máy sản xuất bia Thanh Hóa công suất 80 triệu lít/năm”  
của Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa**

## BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Biên bản kiểm tra phục vụ công tác thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết “Nhà máy sản xuất bia Thanh Hóa công suất 80 triệu lít/năm” tại số 152, đường Quang Trung, phường Ngọc Trao, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa ngày 10 tháng 10 năm 2017;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết “Nhà máy sản xuất bia Thanh Hóa công suất 80 triệu lít/năm” tại số 152, đường Quang Trung, phường Ngọc Trao, thành phố Thanh Hóa”;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết “Nhà máy sản xuất bia Thanh Hóa công suất 80 triệu lít/năm” tại số 152, đường Quang Trung, phường Ngọc Trao, thành phố Thanh Hóa” (sau đây gọi là Đề án) được lập bởi Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa (sau đây gọi là Chủ cơ sở) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí, quy mô/công suất hoạt động:

1.1. Vị trí của Cơ sở: Số 152, đường Quang Trung, phường Ngọc Trao, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

## 1.2. Quy mô/công suất hoạt động của Cơ sở:

Cơ sở có diện tích 38.516,9 m<sup>2</sup>, bao gồm: khu văn phòng và sản xuất 31.748,3 m<sup>2</sup>; khu xử lý nước thải và mở rộng sản xuất 6.352,5 m<sup>2</sup>; khu giới thiệu sản phẩm 416,1 m<sup>2</sup>;

Quy mô, công suất của Cơ sở là 80 triệu lít/năm.

## 2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Cơ sở:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong Đề án, cụ thể:

- Quản lý chất thải nguy hại phải thực hiện: Đăng ký chất thải nguy hại theo quy định; lắp biển cảnh báo tại khu vực lưu trữ, dán nhãn, phân loại, lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

- Quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt theo quy định hiện hành;

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường trong quá trình hoạt động: Quan trắc nước thải, khí thải 3 tháng/lần;

- Thực hiện chương trình quản lý môi trường để phòng ngừa, giảm thiểu các tác động đến môi trường từ hoạt động của Cơ sở.

2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi thải ra môi trường, cụ thể:

- Xử lý khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột A với hệ số Kp = 0,8, Kv = 0,6 trước khi thải ra môi trường;

- Xử lý nước thải công nghiệp đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột B với hệ số Kq = 0,9, Kf = 1,0 trước khi thải ra môi trường.

2.3. Phải hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo các thời hạn như sau:

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, truyền dữ liệu về cơ quan quản lý tại địa phương, hoàn thành trước ngày 30 tháng 12 năm 2018;

- Cải tạo hệ thống thu gom, xử lý nước thải, hoàn thành trước ngày 30 tháng 12 năm 2018;

- Cải tạo kho lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, hoàn thành trước ngày 30 tháng 12 năm 2018.

2.4. Đến thời điểm yêu cầu hoàn thành từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, hoàn thành toàn bộ công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, Chủ cơ sở báo cáo kết quả thực hiện đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 2.** Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi so với nội dung Đề án được phê duyệt, Chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

*Noi nhận:*

- Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở TN&MT tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, K.8.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

